

Ngày soạn:...../...../.....

TIẾT:.....

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Củng cố những kiến thức đã học:
 - + Làm quen với hệ QTCSDL quan hệ MS_Access
 - + Cách tạo CSDL mới, tạo bảng, các khung nhìn của bảng
 - + Cách tạo mối liên kết giữa các bảng
 - + Cách tạo biểu mẫu, các khung nhìn của biểu mẫu
 - + Thiết kế truy vấn

2. Năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề:
- Năng lực tự học: Kỹ năng đọc và phát hiện kiến thức cơ bản trong sgk.
- Năng lực Tin học: NLc. Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của CNTT

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, liên hệ thực tiễn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy tính, Ti vi

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, vở ghi
- Kiến thức đã học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập cho học sinh
- Nội dung:** Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi
- Sản phẩm:** Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

2. LUYỆN TẬP

PHẦN 1: Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Điền vào chỗ chấm: “Trong khung nhìn bảng dữ liệu **Datasheet View**, mỗi bản ghi là một... trong bảng.”

- A. cột. B. dữ liệu. C. hàng. D. kiểu dữ liệu.

Câu 2: Trong Access nói riêng và CSDL quan hệ nói chung, giữa hai bảng có bao nhiêu mối quan hệ?

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 3: Mối quan hệ giữa hai bảng trong CSDL quan hệ là

- A. một - một hoặc nhiều - nhiều. B. một - một hoặc một - nhiều.
C. một - nhiều hoặc nhiều - nhiều. D. một - một và nhiều - nhiều.

Câu 4: Dữ liệu nhập vào là một văn bản mô tả hoặc giải thích thêm một từ nào đó thì nên dùng kiểu dữ liệu nào?

A. Currency. B. Number. D. Short Text. D. Long Text.

Câu 5: Để quản lý hoạt động dạy và học, CSDL của trường cần có bảng Môn học với các cột: Mã môn học, Tên môn học, Số tiết, GV phụ trách. Hãy cho biết trường nào là khóa chính của bảng Môn học?

A. Mã môn học. B. Tên môn học. C. Số tiết. D. GV phụ trách.

Câu 6: Điều kiện cần để tạo được liên kết là:

- A. Phải có ít nhất hai bảng có chung một thuộc tính
- B. Phải có ít nhất một bảng và một mẫu hỏi có chung một thuộc tính
- C. Phải có ít nhất một bảng và một biểu mẫu có chung một thuộc tính
- D. Tổng số bảng và mẫu hỏi ít nhất là 2 và có chung một thuộc tính

Câu 7: Để thực hiện tạo mối liên kết giữa hai bảng thì điều kiện phải là:

- A. Trường liên kết của hai bảng phải là chữ hoa
- B. Trường liên kết của hai bảng phải là kiểu dữ liệu số
- C. Trường liên kết của hai bảng phải cùng kiểu dữ liệu
- D. Trường liên kết của hai bảng phải khác nhau về kiểu dữ liệu

Câu 8: Các bước để tạo liên kết với bảng là:

1. Chọn Database Tools\Relationships...
2. Tạo liên kết đôi một giữa các bảng
3. Đóng hộp thoại Relationships/ Yes để lưu lại
4. Chọn các bảng sẽ liên kết

A. 2, 3, 4, 1 B. 1, 2, 3, 4 C. 4, 2, 3, 1 D. 1, 4, 2, 3

Câu 9: Khi tạo cột dữ liệu tra cứu người dùng thiết lập trên cột nào?

- A. Cột Field Name B. Cột Data Type
- C. Cột Description D. Cột Field Properties

Câu 10: Để mở cửa sổ Relationships tạo liên kết giữa các bảng, ta chọn:

- A. Tool\ Relationships B. Create/ Insert\ Relationships
- C. Database Tool\ Relationships D. Tất cả đều đúng

Câu 11: Biểu mẫu có các loại:

- A. Biểu mẫu nội bản ghi và biểu mẫu nhiều bản ghi
- B. Biểu mẫu tách đôi
- C. Biểu mẫu có kết buộc với bảng CSDL và biểu mẫu không kết buộc
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 12: Biểu mẫu tách đôi là gì?

- A. Các mục dữ liệu hiển thị trong biểu mẫu kết buộc trực tiếp với các trường trong bảng CSDL và làm thay đổi dữ liệu của trường khi gõ nhập.
- B. Đối lập với biểu mẫu có kết buộc, biểu mẫu không kết buộc không dùng để nhập, chỉnh sửa dữ liệu.
- C. Vùng hiển thị của biểu mẫu được chia thành hai chiều: dọc, ngang.
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 13: Để tạo biểu mẫu tách đôi sau khi chọn lệnh Create/ More Forms

- A. Multiples Items B. Split Form C. Datasheet D. Blank Form

Câu 14: Để tạo nhanh một biểu mẫu và sau đó sử dụng ngay được ta chọn lệnh:

- A. Forms B. Form Wizard C. Form Design D. Blank Form

Câu 15: Đối tượng nào sau đây không thể cập nhật dữ liệu?

- A. Bảng, biểu mẫu B. Mẫu hỏi, báo cáo C. Báo cáo D. Bảng

Câu 16: Trình tự thao tác để thiết kế một biểu mẫu bằng tiện ích Form Wizard:

- (1) Nháy chọn **Create/Form Wizard** (2) Chọn dữ liệu nguồn
(3) Nháy nút **Finish** (4) Chọn kiểu bố trí các trường trong biểu mẫu

(5) Chọn các trường dữ liệu đưa vào biểu mẫu

- A. (1) -> (2) -> (4) -> (5) -> (3) C. (2)->(3) -> (1) -> (4) -> (5)
B. (1) -> (2) -> (5) -> (4) -> (3) D. (2)->(3) -> (4) -> (5) -> (1)

Câu 17: Để tạo biểu mẫu đồng bộ hóa trong hộp thoại Form Wizard ta chọn?

- A. Form Wizard B. Blank Form
C. Linked Form D. Form with subform(s)

Câu 18: Để nhập hoặc xem dữ liệu ta chọn chế độ nào của biểu mẫu?

- A. Form View C. Layer View
B. Design View D. Tất cả đều đúng

Câu 19: Khi muốn sửa đổi thiết kế biểu mẫu, ta chọn biểu mẫu rồi nháy nút:

- A.  Design View B.  Layout View C.  Form View D.  Filter

Câu 20: Để thực hiện sắp xếp bản ghi theo thứ tự tăng dần ta chọn lệnh:

- A. Ascending B. Descending C. Filter D.

Remove Sort

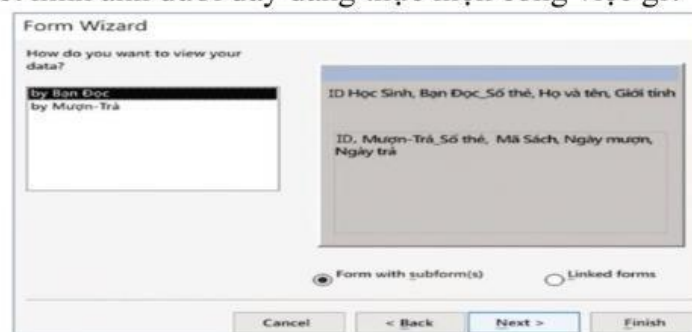
Câu 21: Nhóm lệnh nào có các nút lệnh để tạo nhanh một biểu mẫu và sau đó sử dụng ngay được?

- A. Templates. B. Tables. C. Queries. D. Forms.

Câu 22: Biểu mẫu dùng để

- A. nhập và xem dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng.
B. chọn mục dữ liệu từ một danh sách thay cho gõ nhập.
C. nối dữ liệu giữa hai bản ghi tương ứng trong mỗi bảng.
D. xác định chi tiết các thuộc tính của kiểu dữ liệu đã chọn.

Câu 23: Cho biết hình ảnh dưới đây đang thực hiện công việc gì?



- A. Tạo biểu mẫu một bản ghi. B. Tạo biểu mẫu nhiều bản ghi.
C. Tạo biểu mẫu đồng bộ hóa. D. Tạo biểu mẫu phân cấp.

Câu 24: Thao tác nháy chuột chọn **Create\More Forms dùng để**

- A. Tạo biểu mẫu một bản ghi. B. Tạo biểu mẫu nhiều bản ghi.
C. Tạo biểu mẫu đồng bộ hóa. D. Tạo biểu mẫu phân cấp.

Câu 25: Sắp xếp các nội dung sau để hoàn thành thao tác sắp xếp các bản ghi theo giá trị một trường:

1. Chọn **Ascending** hay **Descending** rồi quan sát kết quả.
2. Chọn **Save** trong thanh công cụ nhanh Quick Access Toolbar.
3. Chọn cột hay ô dữ liệu trong cột đó.
4. Chọn **Home** sau đó chọn nhóm **Sort & Filter**.

A. 1 → 2 → 3 → 4.

B. 2 → 3 → 4 → 1.

C. 3 → 4 → 1 → 2.

D. 4 → 3 → 2 → 1.

Câu 26. Khi liên kết bị sai, ta có thể sửa lại bằng cách chọn liên kết cần sửa, sau đó:

- A. Chọn Edit Relationship
- B. Bấm đúp chuột vào dây liên kết → chọn lại trường cần liên kết
- C. Tools → Relationship → Change Field
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 27. Để xóa liên kết, trước tiên ta chọn liên kết cần xóa. Thao tác nào sau đây sai?

- A. Click phải chuột vào dây liên kết cần xóa, chọn Delete → Yes
- B. Database Tools → Relationship → Delete → Yes
- C. Database Tools → Delele → Yes
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 28. Muốn xóa liên kết giữa các bảng, trong cửa sổ Relationships ta thực hiện:

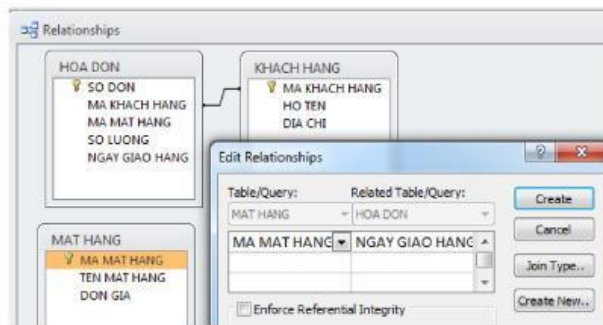
- A. Chọn đường liên kết giữa hai bảng đó và nhấn Delete/Yes;
- B. Chọn hai bảng và nhấn Delete;
- C. Chọn tất cả các bảng và nhấn Delete;
- D. Không thể xóa được;

Câu 29. Chọn phương án đúng trong các phương án sau:



- A. Bảng KHACH HANG và bảng HOA DON liên kết được với nhau thông qua MA KHACH HANG
- B. Bảng KHACH HANG và bảng MAT HANG liên kết được với nhau thông qua MA MAT HANG
- C. Bảng MAT HANG và bảng HOA DON liên kết được với nhau thông qua MA KHACH HANG
- D. Bảng KHACH HANG và bảng HOA DON liên kết được với nhau thông qua MA MAT HANG

Câu 30. Điều gì sai khi tạo mối liên kết giữa 2 bảng MAT HANG và bảng HOA DON trong hình sau:



- A. MA MAT HANG và NGAY GIAO HANG không cùng tên trường và kiểu dữ liệu.
- B. MA MAT HANG và NGAY GIAO HANG không cùng tên trường.
- C. MA MAT HANG và NGAY GIAO HANG không cùng độ lớn.
- D. Không thể tạo được mối liên kết giữa 2 bảng này.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Với những phát biểu sau đây, về việc tạo một truy vấn đơn giản trong MS Access, hãy xác định tính chính xác của phát biểu?

- a) Nhấp chuột chọn "Create Query Design".
- b) Chọn các bảng cần thiết từ hộp thoại "Show Table".
- c) Viết câu lệnh SQL thủ công cho truy vấn.
- d) Ghi lưu truy vấn với tên gọi dễ nhớ.

Câu 2: Loại biểu mẫu nào hiển thị nhiều bản ghi cùng một lúc trong Microsoft Access?

- a) Biểu mẫu một bản ghi
- b) Biểu mẫu nhiều bản ghi
- c) Biểu mẫu không kết buộc
- d) Biểu mẫu tách đôi

Câu 3: Trong Microsoft Access truy vấn hành động loại Delete Query được sử dụng trong trường hợp nào sau đây ?

- a) Để xóa một hoặc nhiều bản ghi khỏi bảng cơ sở dữ liệu
- b) Để thay đổi dữ liệu trong một hoặc nhiều bản ghi của bảng
- c) Để hiển thị dữ liệu từ bảng mà không làm thay đổi bảng
- d) Để thêm bản ghi mới vào bảng cơ sở dữ liệu

Câu 4. Những phát biểu nào sau đây, khi làm việc với CSDL quan hệ?

- a) CSDL quan hệ là một tập hợp các bảng.
- b) CSDL còn được gọi là CSDL quan hệ.
- c) Mỗi hàng trong một bảng của CSDL quan hệ còn được gọi là một bản ghi.
- d) Mỗi cột trong một bảng của CSDL quan hệ còn được gọi là một trường.

Câu 5. Những thao tác nào dưới đây là truy vấn trong CSDL quan hệ?

- a) Tạo một bảng.
- b) Nhập dữ liệu cho các bảng trong CSDL quan hệ.
- c) Chỉnh sửa dữ liệu trong CSDL quan hệ.

d) Tìm dữ liệu trong CSDL thoả mãn một điều kiện nào đó.

Câu 6. Trong các phát biểu dưới đây, những phát biểu nào đúng với CSDL quan hệ?

- a) Dữ liệu trong CSDL phải thoả mãn một số ràng buộc để đảm bảo tính xác định và đúng đắn của dữ liệu.
- b) Dữ liệu trong một ô của bảng chỉ chứa một giá trị.
- c) Có thể có những bản ghi giống nhau trong một bảng.
- d) Hai bảng khác nhau có thể chứa cột có tên trùng nhau.

Phần 3: Tự luận

Câu 1: Làm quen với MS Access

- Đặc điểm và một số thành phần chính trong cửa sổ làm việc của Access

Câu 2: Tạo bảng trong CSDL

- Các kiểu dữ liệu dùng trong Access
- Thiết lập thuộc tính kiểu dữ liệu thường dùng
- Cách tạo bảng theo thiết kế

Câu 3: Liên kết các Bảng trong CSDL

- Các bước tạo mối quan hệ giữa các bảng
- Các ràng buộc khi tạo mối liên kết

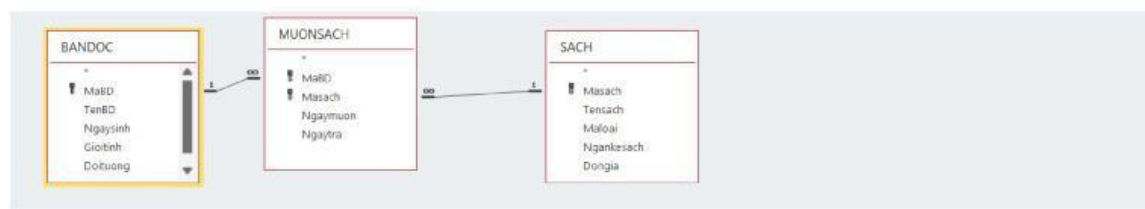
Câu 4: Tạo và sử dụng biểu mẫu(Form)

- Một số loại biểu mẫu thường dùng
- Cách tạo biểu mẫu

Câu 5: Cách tạo và thực hiện truy vấn

Cách viết câu truy vấn SQL và thực hiện truy vấn QBE

VD: Cho bảng QBE:



Field	MaBD	TenBD	Masach	Tensach	Ngaytra	Ngaymuon	Nganhesach	Dongia
Table:	BANDOC	BANDOC	MUONSACH	SACH	MUONSACH	MUONSACH	SACH	SACH
Total:	Group By	Group By	Group By	Group By	Group By	Group By	Group By	Group By
Sort:								
Show:	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
Criteria:								
or:								

1. Hãy đưa ra danh sách các bạn đọc, đã mượn sách với các thông tin cụ thể như trên với điều kiện đơn giá các quyển sách từ 60.000 trở lên
2. Hãy đưa ra danh sách các bạn đọc, đã mượn sách với các thông tin cụ thể như trên với điều kiện đơn giá các quyển sách từ 30.000 đến 60.000 và nằm ở ngăn kệ A4
3. Tìm bạn đọc theo mã bạn đọc

4. Hãy đưa ra danh sách các bạn đọc, đã mượn sách với các thông tin cụ thể như trên với yêu cầu thêm 1 cột với nội dung xem bạn đọc đó mượn sách có trả đúng hạn 30 ngày hay không ? nếu không đúng hạn thì thể hiện là “quá hạn rồi”
5. Hãy đưa ra danh sách các bạn đọc, đã mượn sách với các thông tin cụ thể như trên với yêu cầu các bạn đọc trên 15 tuổi

6. Cho bảng QBE dưới:

BANDOC
 *
 MaBD
 TenBD
 Ngaysinh
 Gioitinh
 Doituong
 Sdt

Field:	MaBD	TenBD	Ngaysinh	Gioitinh	Doituong	Sdt
Table:	BANDOC	BANDOC	BANDOC	BANDOC	BANDOC	BANDOC
Total:	Group By	Group By	Group By	Group By	Group By	Group By
Sort:						
Show:	☒	☒	☒	☒	☒	☒
Criteria:						
or:						

Hãy viết lệnh SQL để đưa ra danh sách gồm các thông tin trên với điều kiện là bạn đọc đó giới tính là “NAM”